

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH TRỊ
TỈNH SÓC TRĂNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 46/2019/DS-ST.

Ngày 07-10-2019.

V/v “Tranh chấp hợp đồng góp hui”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Bích Phượng.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Liêu Trinh Húy.

- Ông Trần Văn Dá.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Huỳnh Ni – Thư ký Toà án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cường – Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 42/2019/TLST-DS, ngày 18 tháng 04 năm 2019 về việc tranh chấp hợp đồng hui. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73a/2019/QĐXX-ST ngày 05/9/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị R, sinh năm 1989

Địa chỉ: ấp A, xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện ủy quyền nguyên đơn: Ông Phạm Văn H, sinh năm 1965 (có mặt).

Địa chỉ: Số A, khóm B, phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1975 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp A, xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

- Người làm chứng:

Ông Trần Văn Q, sinh năm 1997 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp A, xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04 tháng 04 năm 2019 của nguyên đơn bà Lê Thị R cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện ủy quyền nguyên đơn ông Phạm Văn H trình bày:

Bà Nguyễn Thị X có tham gia chơi hội do bà Lê Thị R làm chủ hội cụ thể như sau:

Dây hội thứ nhất: Hội ngày, hội 100.000 đồng, mở ngày 26/11/2018, bà X tham gia ba phần, bà X hốt hết ba phần hội và đóng được 48 kỳ còn nợ lại 62 kỳ của ba phần hội đã hốt với số tiền là 18.600.000 đồng.

Dây hội thứ hai: Hội ngày, hội 100.000 đồng, mở ngày 18/12/2018, bà X tham gia hai phần, bà X hốt hết hai phần hội và đóng được 26 kỳ còn nợ lại 89 kỳ của hai phần hội đã hốt với số tiền là 17.800.000 đồng.

Tổng số tiền bà X còn nợ hội chết của hai dây hội nêu trên là 36.400.000 đồng.

Bà R yêu cầu bà X trả nợ và bà X thừa nhận còn nợ số tiền nêu trên nhưng đến nay chưa trả, bà R khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà X trả cho bà R số tiền còn nợ là 36.400.000 đồng và tiền lãi từ ngày Tòa án thụ lý, lãi suất 10%/năm, tính tròn năm tháng số tiền là 1.516.600 đồng. Tổng cộng số tiền yêu cầu là 37.916.600 đồng (ba mươi bảy triệu chín trăm mười sáu nghìn sáu trăm đồng).

Bị đơn bà Nguyễn Thị X: Không có văn bản trình bày ý kiến.

Quan điểm kiểm sát của đại diện Viện kiểm sát như sau:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi kết thúc phần tranh luận tại phiên tòa xét xử, Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, các thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ đúng với các quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Qua chứng cứ và kết quả tranh tụng tại Tòa có cơ sở xác định yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Trong quá trình tiến hành tố tụng Tòa án tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý, thông báo tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, triệu tập tham gia phiên tòa nhưng bị đơn bà Nguyễn Thị X vắng mặt không có lý do, nhận thấy đây là phiên tòa lần thứ hai, đương sự đã được triệu tập hợp lệ, căn cứ vào điểm b, khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị X.

[2] Xét nguyên đơn bà Lê Thị R khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị X trả tiền hội tổng cộng 36.400.000 đồng và tiền lãi 05 tháng tính tròn số tiền là 1.516.600 đồng, lãi tính từ khi Tòa án thụ lý vụ án, lý do bà X tham gia chơi ba phần hội trong dây hội 100.000 đồng, hội mở ngày 26/11/2018 và hai phần trong dây hội 100.000 đồng, mở ngày 18/12/2018, bà X trả hết cả năm phần hội của hai dây hội nêu trên nhưng không đóng chịu hết đầy đủ, bà R có xuất trình giấy ký nhận nợ của bà X. Bà X không có văn bản trình bày ý kiến. Hội đồng xét xử xét thấy qua xác minh ông Trần Văn Q là con ruột của bà Nguyễn Thị X khai bà X có ký giấy thừa nhận số tiền nợ hội như bà R trình bày là sự thật, đồng thời ông Trần Văn Q nhận thông báo thụ lý của Tòa án và thông tin đến bà Nguyễn Thị X về khoản tiền hội mà bà R yêu cầu và cho đến nay bà X không có văn bản phản đối yêu cầu của nguyên đơn, do vậy có căn cứ Hội đồng xét xử xác định bà X có tham gia chơi hội do bà R làm chủ và còn nợ tiền hội hết là 36.400.000 đồng như bà R trình bày là sự thật. Căn cứ quy định tại Điều 20, 25 và Điều 30 Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hội, biểu, phường, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn có nghĩa vụ trả tiền nợ hội tổng cộng là 36.400.000 đồng và tiền lãi là 1.516.600 đồng.

[3] Về án phí, lệ phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải có nghĩa vụ chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 471, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 20, 25 và Điều 30 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hội, biểu, phường;

Áp dụng điểm khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bà Nguyễn Thị X có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị R số tiền tổng cộng là 37.916.600 đồng (ba mươi bảy triệu chín trăm mười sáu nghìn sáu trăm đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người có nghĩa vụ thi hành án không chịu thi hành trả số tiền nêu trên cho người được thi hành án thì người có nghĩa vụ thi hành án còn phải chịu thêm phần lãi chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Nguyễn Thị X có nghĩa vụ nộp 1.895.800 đồng. Hoàn trả bà R tiền tạm ứng án phí 910.000 đồng theo biên lai thu tạm

ứng án phí số 0008137 ngày 16/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Trị.

Báo cho các đương sự biết, được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại nơi cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Thạnh Trị;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Trị;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trịnh Thị Bích Phượng

